

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

NGUYỄN PHƯƠNG LINH

**HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT
VỀ BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI CỦA NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN
BỊ TƯỚNG TỰ DO Ở VIỆT NAM**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2014

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN PHƯƠNG LINH

**HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT
VỀ BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI CỦA NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN
BỊ TƯỚNG TỰ DO Ở VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Pháp luật về quyền con người
Mã số: Chuyên ngành đào tạo thí điểm

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Cán bộ hướng dẫn khoa học: PGS. TS. TRỊNH QUỐC TOẢN

HÀ NỘI - 2014

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vậy tôi viết Lời cam đoan này đề nghị Khoa Luật xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

NGƯỜI CAM ĐOAN

Nguyễn Phương Linh

MỤC LỤC

Trang

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các từ viết tắt

Danh mục các bảng

MỞ ĐẦU 8

Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI CỦA NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN BỊ TƯỚC TỰ DO BẰNG PHÁP LUẬT 14

1.1. Khái niệm, đặc điểm người chưa thành niên và người chưa thành niên bị tước tự do 14

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm người chưa thành niên..... 14

1.1.2. Khái niệm và đặc điểm người chưa thành niên bị tước tự doError! Bookmark not defined.

1.2. Quyền con người của người chưa thành niên bị tước tự do và sự cần thiết bảo vệ nó..... Error! Bookmark not defined.

1.3. Những quy định cơ bản của pháp luật quốc tế về bảo vệ quyền con người của người chưa thành niên bị tước tự doError! Bookmark not defined.

Chương 2: CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ QUYỀN CON NGƯỜI CỦA NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN BỊ TƯỚC TỰ DO VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNGError! Bookmark not defined.

2.1. Các quy định của Pháp luật Việt Nam về quyền con người của người chưa thành niên bị tước tự doError! Bookmark not defined.

2.1.1. Trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tốError! Bookmark not defined.

2.1.2. Trong giai đoạn xét xử Error! Bookmark not defined.

- 2.1.3. Chế độ của người chưa thành niên bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam; trong giai đoạn thi hành hình phạt tù có thời hạn, biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng **Error! Bookmark not defined.**
- 2.1.4. Quyền khiếu nại, tố cáo của người chưa thành niên bị tước tự do **Error! Bookmark not defined.**
- 2.2. Thực trạng áp dụng các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền con người của người chưa thành niên bị tước tự do****Error! Bookmark not defined.**
 - 2.2.1. Tình hình tội phạm do người chưa thành niên thực hiện **Error! Bookmark not defined.**
 - 2.2.2. Thực trạng áp dụng hình phạt tù và biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng với người chưa thành niên **Error! Bookmark not defined.**
 - 2.2.3. Thực trạng áp dụng các biện pháp tạm giữ, tạm giam **Error! Bookmark not defined.**
 - 2.2.4. Thực trạng việc đảm bảo quyền bào chữa **Error! Bookmark not defined.**
- 2.3. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của nó trong áp dụng các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền của người chưa thành niên bị tước tự do****Error! Bookmark not defined.**
 - 2.3.1. Những tồn tại, hạn chế trong áp dụng các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền của người chưa thành niên bị tước tự do **Error! Bookmark not defined.**
 - 2.3.2. Những nguyên nhân của tồn tại, hạn chế trong áp dụng các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền của người chưa thành niên bị tước tự do **Error! Bookmark not defined.**

Chương 3: NHU CẦU VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ QUYỀN CON NGƯỜI CỦA NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN BỊ TƯỚC TỰ DO VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG **Error! Bookmark not defined.**

- 3.1. Nhu cầu hoàn thiện các quy định pháp luật Việt Nam về quyền con người của người chưa thành niên bị tước tự do****Error! Bookmark not defined.**
- 3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật Việt Nam về quyền con người của người chưa thành niên bị tước tự do** **Error! Bookmark not defined.**

3.3. Một số giải pháp khác nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định pháp luật Việt Nam về quyền con người của người chưa thành niên bị trục tự do Error! Bookmark not defined.

3.3.1. Vấn đề xử lý chuyển hướng đối với người chưa thành niên vi phạm pháp luật **Error! Bookmark not defined.**

3.3.2. Thành lập Tòa án người chưa thành niên**Error! Bookmark not defined.**

3.3.3. Nâng cao năng lực của những người tiến hành tố tụng**Error! Bookmark not defined.**

KẾT LUẬN Error! Bookmark not defined.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO..... 18

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLTTHS:	Bộ luật tố tụng hình sự.
BLHS:	Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.
Các quy tắc Bắc Kinh:	Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu của Liên Hợp Quốc về hoạt động tư pháp đối với người vị thành niên.
CRC:	Công ước về quyền trẻ em
ICCPR:	Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị.
ICESCR:	Công ước về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa.
LHS:	Luật hình sự.
NCTN:	Người chưa thành niên.
TANDTC:	Tòa án nhân dân tối cao.
UDHR:	Tuyên ngôn thế giới về quyền con người.

DANH MỤC CÁC BẢNG

<i>Số hiệu bảng</i>	<i>Tên bảng</i>	<i>Trang</i>
Bảng 1.1:	Một số quyền con người cơ bản của người bị tước tự do	Error! Bookmark not defined.
Bảng 2.1:	<u>Mức phạt tù có thời hạn áp dụng với người chưa thành niên phạm tội</u>	Error! Bookmark not defined.
Bảng 2.2:	<u>Thống kê tội phạm chưa thành niên (giai đoạn từ 2009 đến năm 2013)</u>	Error! Bookmark not defined.
Bảng 2.3:	<u>Thống kê một số tội danh của NCTN phạm tội thời gian từ 2009 đến 2013</u>	Error! Bookmark not defined.
Bảng 2.4:	<u>Thống kê việc xét xử sơ thẩm NCTN (giai đoạn từ 2009 đến 2013)</u>	Error! Bookmark not defined.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Theo quy định của Luật nhân quyền quốc tế, người bị tước tự do là khái niệm thường được dùng để chỉ những người do bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn hoặc chế tài hành chính hoặc hình sự dưới các hình thức như bị bắt, tạm giữ, tạm giam, thi hành hình phạt tù, tập trung cải tạo, tập trung cai nghiện ... mà bị hạn chế quyền tự do đi lại, cư trú và một số quyền tự do khác. Do vị trí yếu thế, bất lợi của nhóm này mà luật nhân quyền quốc tế coi đây là một trong những nhóm đối tượng dễ bị tổn thương. Đặc biệt là nhóm đối tượng bị tước tự do theo tổ tụng hình sự, họ có thể bị tước một số quyền công dân để phục vụ cho một số hoạt động khác nhau của cơ quan có thẩm quyền như các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Họ tham gia quá trình tố tụng với những tư cách pháp lý khác nhau và với tư cách nào họ cũng đều là những đối tượng này bị áp dụng những biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước. Luôn tồn tại sự bất bình đẳng trong mối quan hệ giữa họ với các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Bởi lẽ, một bên họ là những đối tượng đang bị tình nghi, bị buộc tội bị kết án còn một bên là các cơ quan tiến hành tố tụng đại diện nhà nước, nhân danh nhà nước với sức mạnh cưỡng chế, quyền uy. Tuy nhiên, ngoài việc quy định nghĩa vụ của các đối tượng này, pháp luật cũng có những quy định cụ thể nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ trong quá trình tố tụng đồng thời yêu cầu các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng phải có trách nhiệm tôn trọng các quyền này.

Nhưng trên thực tế, trong nhiều trường hợp các đối tượng này khó có khả năng và điều kiện để bảo vệ quyền và lợi ích của mình đồng thời những quyền và lợi ích hợp pháp này cũng dễ bị những người tiến hành tố tụng vô tình hoặc cố ý

xâm phạm. Những xâm phạm này gây ra những hậu quả khó có thể khắc phục bởi nó liên quan trực tiếp đến những quyền cơ bản của cá nhân như quyền sống, quyền tự do... của họ.

Nhằm hạn chế một cách tối đa những hành vi xâm phạm nói trên và hậu quả của nó, trong phạm vi quốc tế và mỗi quốc gia, có nhiều quy định chặt chẽ về các thủ tục tố tụng, đặc biệt là đối với những người bị tước tự do. Tuy nhiên, trên thực tế, những quy định trên cũng bộc lộ nhiều điểm bất hợp lý, thiếu hiệu quả chính vì lẽ đó đã ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết các vụ án, dẫn đến tình trạng oan sai, gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đối tượng.

Đặc biệt, đối với các đối tượng bị tước tự do là người chưa thành niên (NCTN) thì vấn đề trên càng cần phải quan tâm nghiên cứu bởi lẽ, NCTN là những người chưa phát triển hoàn thiện về thể chất, tinh thần và nhận thức. Trong quá trình tố tụng, tự bản thân họ không đủ khả năng và hiểu biết để tự tham gia và bảo vệ mình trong các giai đoạn của quá trình tố tụng. Mặt khác, thế hệ trẻ là tương lai của đất nước, quyết định đến sự phát triển hay tồn vong của một quốc gia việc bảo vệ quyền của NCTN, bảo đảm cho họ phát triển toàn diện, hài hòa cả về thể chất và tinh thần là mối quan tâm chung của toàn xã hội. Vì vậy, pháp luật đã ban hành các chế định nhằm cung cấp cho họ các công cụ pháp lý để bảo vệ và thực hiện các quyền của mình trong tố tụng. Do đó, việc nghiên cứu nội dung các chế định trên đồng thời đánh giá hiệu quả của nó trên thực tế là một điều hết sức cần thiết nhằm bảo vệ quyền của NCTN bị tước tự do.

Vì những lý do trên, tôi lựa chọn đề tài ***“Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền con người của người chưa thành niên bị tước tự do ở Việt Nam”*** làm đề tài luận văn thạc sĩ.

2. Tình hình nghiên cứu

Nghiên cứu những vấn đề liên quan đến NCTN phạm tội và việc áp dụng

pháp luật trong xét xử án hình sự, xét xử NCTN phạm tội đã được một số nhà khoa học và cán bộ làm công tác thực tiễn tiến hành, công bố trong nhiều công trình khoa học. Có một số luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, một số giáo trình giảng dạy, bài viết trên tạp chí và một số sách chuyên khảo đã nghiên cứu về những vấn đề này. Cụ thể như sau:

Đề tài nghiên cứu khoa học:

+) *Luật tố tụng hình sự Việt Nam với việc bảo vệ quyền con người*, Đề tài nghiên cứu khoa học, Chủ trì Tiến sĩ Nguyễn Ngọc Chí – Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội.

+) *Thực trạng và giải pháp đấu tranh phòng chống tội phạm do NCTN thực hiện trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Chủ trì TS. Trịnh Quốc Toàn, 2005.

Sách chuyên khảo:

+) *Quyền con người trong quản lý tư pháp*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.

+) *Bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương trong tố tụng hình sự*, Trung tâm nghiên cứu quyền con người – quyền công dân và Trung tâm nghiên cứu tội phạm học và tư pháp hình sự trực thuộc khoa Luật – Đại học quốc gia Hà Nội.

+) *Luật quốc tế về quyền của các nhóm người dễ bị tổn thương*, Trung tâm nghiên cứu quyền con người và quyền công dân trực thuộc khoa Luật – Đại học quốc gia Hà Nội.

Một số luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ:

+) *Bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Lại Văn Trình, 2011.

+) *Quyền bào chữa của bị can, bị cáo là NCTN trong tố tụng hình sự*, Luận án tiến sĩ luật học, Nguyễn Hữu Thế Trạch, 2014.

+) *Bảo vệ quyền của NCTN trong tư pháp hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa Luật Đại học quốc gia Hà Nội, Nguyễn Thị Thanh, 2008.

+)*Hình phạt tù có thời hạn, áp dụng đối với NCTN phạm tội theo Luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ luật học, Khoa luật Đại học quốc gia Hà Nội, Nguyễn Thị Thu Huyền, 2012.

+)*Quyền của những người bị tước tự do – Lý luận và thực tiễn*, Luận văn thạc sỹ luật học, Khoa luật Đại học quốc gia Hà Nội, Tạ Thị Nhân, 2013

Một số bài viết trên các tạp chí chuyên ngành của các tác giả:

+)*Nguyễn Sơn Hà (2013), “Tìm hiểu quy định của pháp luật quốc tế về quyền của người bị bắt, tạm giam và đề xuất hướng hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam”*, Tạp chí kiểm sát, số 19 (tháng 10/2013, tr.52- 59).

+)*Nguyễn Tiến Đạt (2006), “Bảo đảm quyền con người trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam”*, Tạp chí khoa học pháp luật số 3(34)/2006.

Ngoài ra, còn một số bài viết khác của các học giả có đề cập đến vấn đề này. Các công trình nghiên cứu trên cho thấy, việc nghiên cứu về quyền của người bị tước tự do ở Việt Nam trong những năm qua đã được quan tâm và đạt được những thành tựu nhất định. Tuy nhiên, chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu về quyền con người của NCTN bị tước tự do ở Việt Nam. Luận văn này có thể bổ sung cái nhìn tổng quát về NCTN bị tước tự do, đặc biệt dưới góc độ luật nhân quyền quốc tế từ đó nâng cao nhận thức về các vấn đề liên quan đến NCTN bị tước tự do đồng thời có những sự điều chỉnh hợp lý nhằm tăng cường bảo đảm các quyền của NCTN bị tước tự do trên thực tế.

3. Mục tiêu nghiên cứu và nhiệm vụ của luận văn

3.1. Mục tiêu

Đề tài luận văn cung cấp cái nhìn tổng quan về hệ thống các văn pháp luật Việt Nam có liên quan đến NCTN bị tước tự do và các văn kiện luật nhân quyền quốc tế về lĩnh vực này. Đồng thời xem xét thực tiễn áp dụng những quy định nêu trên tại Việt Nam. Trên cơ sở đó, đưa ra những nhận xét, đánh giá và những kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định về bảo vệ quyền của NCTN bị tước tự do ở

Việt Nam.

3.2. Nhiệm vụ của luận văn

Để đạt được những mục tiêu nêu trên, luận văn đi sâu giải quyết các vấn đề cụ thể sau:

- + Làm sáng tỏ khái niệm, đặc điểm về NCTN, NCTN bị tước tự do.
- + Phân tích các quy định đối với NCTN bị tước tự do theo quy định của luật nhân quyền quốc tế và pháp luật Việt Nam.
- + So sánh, nhận xét, đánh giá các quy định của pháp luật Việt Nam với các quy định của pháp luật nhân quyền quốc tế về tính hợp lý, tính phù hợp và tính tương thích.
- + Nghiên cứu thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật đối với việc bảo vệ quyền con người của NCTN bị tước tự do.
- + Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc áp dụng các quy định của pháp luật nhằm bảo vệ quyền con người của NCTN bị tước tự do.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn được nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật; quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về Nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa. Nhất là quan điểm chỉ đạo của Đảng về cải cách tư pháp trong Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị “*Về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới*” và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị “*Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*”, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục thanh thiếu niên và đấu tranh phòng chống tội phạm do NCTN thực hiện.

Luận văn sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của Triết học Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh.

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: Phương pháp phân

tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp thống kê, phương pháp đối chiếu, phương pháp so sánh, phương pháp logic, phương pháp chứng minh... để làm sáng tỏ các vấn đề cần nghiên cứu.

5. Những điểm mới của Luận văn

- *Thứ nhất:* Thông qua việc nghiên cứu, tìm hiểu các quy định của luật nhân quyền quốc tế và quy định của pháp luật Việt Nam. Luận văn đưa ra các kết quả để nhận xét tính tương thích, tính hợp lý trong các quy định của pháp luật Việt Nam với các quy định của pháp luật nhân quyền quốc tế về NCTN bị tước tự do.

- *Thứ hai:* Nhận xét thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật đối với việc bảo vệ quyền của NCTN bị tước tự do tại Việt Nam.

- *Thứ ba:* Thông qua việc đánh giá thực trạng việc bảo đảm các quyền con người của NCTN ở Việt Nam. Luận văn đưa ra những kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền con người của NCTN bị tước tự do.

Luận văn có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong các vụ việc có liên quan đến NCTN đặc biệt là NCTN bị tước tự do. Ngoài ra, luận văn còn có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo, nghiên cứu tại Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội và các cơ sở đào tạo khác ở Việt Nam.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn được chia thành 3 chương như sau:

Chương 1: Một số vấn đề chung về bảo vệ quyền con người của người chưa thành niên bị tước tự do bằng pháp luật.

Chương 2: Các quy định của pháp luật Việt Nam về quyền con người của người chưa thành niên bị tước tự do và thực tiễn áp dụng.

Chương 3: Nhu cầu và giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật Việt Nam về quyền con người của người chưa thành niên bị tước tự

do và nâng cao hiệu quả áp dụng.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI CỦA NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN BỊ TƯỚC TỰ DO BẰNG PHÁP LUẬT

1.1. Khái niệm, đặc điểm người chưa thành niên và người chưa thành niên bị tước tự do

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm người chưa thành niên

Quá trình phát triển của con người từ khi sinh ra đến khi trưởng thành được chia thành nhiều giai đoạn khác nhau trong đó có một quá trình đặc biệt mà con người có những bước phát triển nhảy vọt cả về thể chất và tâm hồn, thời kỳ đó được gọi là thời kỳ chưa thành niên. Chưa thành niên là thời kỳ quá độ từ trẻ em sang người lớn, luôn gắn liền với những biến đổi tâm sinh lý mà bất kỳ người nào cũng phải trải qua. Lúc này, NCTN không hẳn là trẻ em, cũng chưa hẳn là người trưởng thành, đây là thời kỳ chuyển tiếp, các em không còn thụ động với vai trò của người được dạy dỗ nhưng lại chưa hẳn là người lớn, chưa có đủ khả năng phán đoán và giải quyết các tình huống.

Hiện nay có rất nhiều quan điểm, định nghĩa về NCTN, trước hết trên phương diện pháp luật quốc tế, khái niệm NCTN được đề cập tới trong nhiều văn kiện pháp lý quan trọng cụ thể như sau:

Tại Điều 1, Phần 1 Công ước quốc tế về quyền trẻ em (CRC) được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua ngày 20/11/1989, có hiệu lực từ ngày 02/9/1990 quy định “*Trong phạm vi Công ước này, trẻ em có nghĩa là mọi người dưới 18 tuổi, trừ trường hợp pháp luật áp dụng đối với trẻ em có quy định tuổi thành niên sớm hơn*” [28]. Như vậy, theo CRC trẻ em bao gồm tất cả những ai dưới 18 tuổi.

Tại Các Quy tắc của Liên Hợp Quốc về bảo vệ NCTN bị tước tự do, được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua ngày 14/12/1990, trong phần phạm vi áp

dụng quy tắc, có quy định “*Người chưa thành niên là người dưới 18 tuổi. Giới hạn độ tuổi thấp hơn mức này theo đó không được phép tước tự do của trẻ em cần được pháp luật quy định*” [30].

Các hướng dẫn của Liên hợp quốc về phòng ngừa phạm pháp ở người chưa thành niên (các hướng dẫn Ri – Át), được thông qua và tuyên bố ngày 14/12/1990, mặc dù không đưa ra khái niệm cụ thể về NCTN nhưng thông qua các quy định như:

Hướng dẫn này phải được giải thích và được thực hiện trong phạm vi khuôn khổ của tuyên bố thế giới về quyền con người, Công ước quốc tế về các quyền kinh tế - chính trị - văn hóa – xã hội, Công ước về quyền trẻ em là phạm vi các quy tắc phổ biến của Liên Hợp Quốc về việc áp dụng pháp luật đối với NCTN, cũng như các văn kiện và tiêu chuẩn khác có liên quan đến các quyền và lợi ích, phúc lợi của các thành niên... [29].

Như vậy, tinh thần của hướng dẫn cũng cho thấy NCTN là người dưới 18 tuổi.

Theo Các quy tắc Bắc Kinh được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua ngày 29/11/1985, “*Người chưa thành niên là trẻ em hay thanh thiếu niên mà tùy theo từng hệ thống pháp luật có thể bị xử lý khi phạm tội theo một phương thức khác người lớn*” [26]. Các quy tắc Bắc Kinh cũng nhấn mạnh rằng giới hạn độ tuổi được coi là chưa thành niên phụ thuộc vào quy định của từng hệ thống pháp luật nghĩa là các quy tắc Bắc Kinh chỉ quy định các tiêu chuẩn tối thiểu và nó hoàn toàn tôn trọng tính “*riêng*” của mỗi quốc gia. Điều này mở ra cho mỗi quốc gia được quy định giới hạn tuổi khác nhau đối với NCTN để phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế của quốc gia mình.

Tóm lại, tuy các Văn kiện pháp lý quốc tế về quyền con người nói trên có phạm vi điều chỉnh khác nhau song đều thống nhất ở quan điểm NCTN là người

dưới 18 tuổi.

Ở Việt Nam, có nhiều quan điểm về NCTN, cụ thể:

Theo Từ điển Tiếng Việt – Trung tâm ngôn ngữ học Việt Nam thì: *“NCTN là người chưa phát triển đầy đủ, toàn diện về thể lực, trí tuệ tinh thần cũng như chưa có đầy đủ quyền và nghĩa vụ công dân”* [55].

Trong hệ thống pháp luật Việt Nam, tùy từng đối tượng và phạm vi điều chỉnh của mỗi ngành luật mà mỗi ngành luật lại có quy định khác nhau về NCTN.

Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *“... Người chưa đủ 18 tuổi là NCTN”*. Như vậy, NCTN là người dưới 18 tuổi [38, Điều 18].

Luật lao động năm 2012 quy định: *“Người lao động chưa thành niên là người lao động dưới 18 tuổi”* [41, Điều 161].

Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em khẳng định: *“Trẻ em quy định trong luật này là công dân Việt Nam dưới 16 tuổi”* [37, Điều 1].

BLHS 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định:

1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS về mọi tội phạm
2. Người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng [40, Điều 12].

BLHS quy định: *“NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội phải chịu TNHS...”* [40, Điều 68].

LHS (LHS) Việt Nam quy định NCTN phải chịu trách nhiệm hình sự là người từ đủ 14 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi, thực hiện hành vi phạm tội và có năng lực TNHS. Nói cách khác, NCTN phạm tội là những người từ đủ 14 tuổi trở lên đến chưa đủ 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng và những người từ đủ 16 tuổi trở lên những người chưa đủ 18 tuổi phạm các tội phạm khác. Một NCTN chưa đủ 14 tuổi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội cho dù hậu quả đặc biệt nghiêm trọng hoặc NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 16

tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng do vô ý đều không phải chịu trách nhiệm hình sự. Ngoài ra, quy định vấn đề NCTN phạm tội trong LHS còn có ý nghĩa thể hiện nguyên tắc cá thể hóa trách nhiệm hình sự, nguyên tắc bình đẳng trong LHS làm cơ sở cho việc quyết định hình phạt, đảm bảo mục đích giáo dục, cải tạo người phạm tội.

Như vậy pháp luật Việt Nam nói chung có khá nhiều quy định khác nhau về NCTN nhưng đều thống nhất khái niệm NCTN là những người dưới 18 tuổi hay là người chưa đủ 18 tuổi. Đến một độ tuổi nhất định, con người mới có sự phát triển đầy đủ về thể chất, tâm sinh lý và trở thành người trưởng thành. Độ tuổi nhất định ở đây là đủ 18 tuổi. Khi đó, một người có đủ năng lực pháp luật, đủ năng lực hành vi và có thể tự chịu trách nhiệm khi tham gia vào các mối quan hệ xã hội nói chung và các quan hệ pháp luật nói riêng. Ở Việt Nam, khái niệm trẻ em và NCTN là không đồng nhất bởi lẽ theo các phân tích ở trên, NCTN là những người dưới 18 tuổi nhưng trẻ em lại chỉ là những công dân Việt Nam dưới 16 tuổi mà thôi. Như vậy, trẻ em là NCTN nhưng NCTN không phải trong trường hợp nào cũng là trẻ em.

Nhìn từ khía cạnh luật pháp nhận thấy căn cứ để xác định một người có phải là NCTN hay không chính là các giới hạn về độ tuổi mà nhà làm luật đã quy định. Có nhiều ý kiến cho rằng khái niệm NCTN trên phương diện pháp lý chưa được đầy đủ vì mới chỉ ra giới hạn về độ tuổi mà chưa chỉ ra các đặc điểm về thể chất và trí tuệ. Tuy nhiên trên thực tế, khái niệm nhà làm luật đưa ra là phù hợp bởi lẽ chính giới hạn về độ tuổi đã tính đến sự hợp lý giữa đặc điểm thể chất, tinh thần của các em đặc biệt đã tính đến khả năng của các em khi đặt các em trong mối tương quan với các quan hệ pháp luật khác nhau đó.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành trung ương, Ban cán sự Đảng TANDTC (2013), *Đề án thành lập tòa gia đình và người chưa thành niên ở Việt Nam (Dự thảo 3)*, Hà Nội.
2. Ban soạn thảo Bộ luật tố tụng hình sự (2004), *Dự thảo Bộ luật tố tụng hình sự (Gửi xin ý kiến nhân dân, các ngành, các cấp)*, Hà Nội.
3. Bộ công an (2011), *Thông tư số 70/TT-BCA ngày 10/10/2011 của Bộ công an quy định chi tiết thi hành các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự liên quan đến việc bảo đảm quyền bào chữa trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự*, Hà Nội.
4. Bộ công an, Văn bản hợp nhất (2014), *Nghị định ban hành quy chế về tạm giữ, tạm giam số 13/VBHN-BCA ngày 7/4/2014*, Hà Nội.
5. Bộ chính trị (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị “Về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới”*, Hà Nội.
6. Bộ chính trị (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
7. Bộ chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị “Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”*, Hà Nội.
8. Lê Văn Cẩm (2010), “Bảo vệ các quyền con người bằng pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam – Những vấn đề lý luận cơ bản”, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, Bộ tư pháp, (7), tr. 25-27.
9. Lê Văn Cẩm (2011), “*Bảo vệ các quyền con người bằng pháp luật về tư pháp hình sự - lý luận, thực trạng và hoàn thiện pháp luật*”, Đề tài nghiên cứu khoa học nhóm A, Đại học quốc gia Hà Nội.

10. Nguyễn Ngọc Chí (2007), “Bảo vệ quyền con người bằng pháp luật tố tụng hình sự”, *Tạp chí Khoa học Đại học quốc gia Hà Nội*, (23), tr. 64-80.
11. Nguyễn Ngọc Chí (Chủ trì) (2011), *Luật tố tụng hình sự Việt Nam với việc bảo vệ quyền con người*, Đề tài nghiên cứu khoa học, Khoa Luật – Đại học quốc gia Hà Nội.
12. Chính phủ (1998), *Quy chế về tạm giữ, tạm giam, ban hành kèm theo Nghị định 89/1998/NĐ-CP ngày 7/11/1998 của Chính phủ*, Hà Nội.
13. Chính phủ (1998), *Quy chế về tạm giữ, tạm giam, ban hành kèm theo Nghị định số 89/1998/NĐ-CP ngày 7/11/1998 của Chính phủ*, Hà Nội.
14. Chính phủ (2001), *Nghị định số 52/2001/NĐ-CP ngày 23/8/2001 hướng dẫn thi hành biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng*, Hà Nội.
15. Chính phủ (2003), *Nghị định số 142/2003/NĐ-CP ngày 24/11/2003 quy định việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng*, Hà Nội.
16. Chính phủ (2009), *Nghị định số 66/2009/NĐ-CP ngày 1/8/2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 142/2003/NĐ-CP*, Hà Nội.
17. Chính phủ (2010), *Nghị định số 118/2010/NĐ-CP ngày 29/12/2010 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dưỡng*, Hà Nội.
18. Chính phủ (2011), *Nghị định 09/2011/NĐ-CP ngày 25/1/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung chế độ ăn và khám, chữa bệnh đối với người bị tạm giữ, tạm giam*, Hà Nội.
19. Chính phủ (2011), *Nghị định số 09/2011/NĐ-CP ngày 25/01/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung chế độ ăn và khám, chữa bệnh đối với người bị tạm giữ, tạm giam quy định tại Điều 26 và Điều 28 của Quy chế về tạm giữ, tạm giam ban hành kèm theo Nghị định số 89/1998/NĐ-CP ngày 07/11/1998 của Chính phủ*, Hà Nội.
20. Chính phủ (2011), *Nghị định số 81/2011/NĐ-CP ngày 16/9/2011 của Chính*

phủ quy định chế độ ăn, mặc, chăm sóc và quản lý học sinh trường giáo dưỡng, Hà Nội.

21. Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao, Lã Khánh Tùng (đồng chủ biên) (2009), *Giáo trình lý luận và pháp luật về quyền con người*, NXB ĐHQGHN.
22. Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao, Lã Khánh Tùng (đồng chủ biên) (2010), *Giáo trình lý luận và Pháp luật về Quyền con người*, NXB Đại học quốc gia, Hà Nội.
23. Đại hội đồng Liên Hợp Quốc (1948), “Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người”, *Giới thiệu các văn kiện quốc tế về quyền con người*, tr.48-54, NXB Lao động - Xã hội.
24. Đại hội đồng Liên Hợp Quốc (1966), “Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa”, *Giới thiệu các văn kiện quốc tế về quyền con người*, tr.55-66, NXB Lao động-Xã hội.
25. Đại hội đồng Liên Hợp Quốc (1966), “Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị”, *Giới thiệu các văn kiện quốc tế về quyền con người*, tr.77-97, NXB Lao động - Xã hội.
26. Đại hội đồng Liên Hợp Quốc (1985), “Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu của Liên Hợp Quốc về hoạt động tư pháp đối với người vị thành niên (Các quy tắc Bắc Kinh)”, *Giới thiệu các văn kiện quốc tế về quyền con người*, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội.
27. Đại hội đồng Liên Hợp Quốc (1988), “Tập hợp các nguyên tắc về bảo vệ tất cả những người bị tạm giam hay bị cầm tù dưới bất kỳ hình thức nào”, *Giới thiệu các văn kiện quốc tế về quyền con người*, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội.
28. Đại hội đồng Liên Hợp Quốc (1989), “Công ước về quyền trẻ em”, *Giới thiệu các văn kiện quốc tế về quyền con người*, tr.162-185, NXB Lao động - Xã hội.
29. Đại hội đồng Liên Hợp Quốc (1990), “Các hướng dẫn của Liên Hợp Quốc về

phòng ngừa phạm pháp ở người chưa thành niên (Các hướng dẫn Ri – Át)”, *Giới thiệu các văn kiện quốc tế về quyền con người*, tr.790-802, NXB Lao động-Xã hội.

30. Đại hội đồng Liên Hợp Quốc (1990), “Các quy tắc của Liên Hợp Quốc về bảo vệ người chưa thành niên bị tước tự do”, *Giới thiệu các văn kiện quốc tế về quyền con người*, tr 674 -711, NXB Lao động-Xã hội.
31. Nguyễn Sơn Hà (2013), “Tìm hiểu quy định của pháp luật quốc tế về quyền của người bị bắt, tạm giam và đề xuất hướng hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam”, *Tạp chí kiểm sát*, (19), tr.52-59.
32. Nguyễn Thị Thu Huyền (2012), *Hình phạt tù có thời hạn, áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội theo Luật hình sự Việt Nam*”, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
33. Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội (2010), *Luật quốc tế về quyền của các nhóm người dễ bị tổn thương*, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội
34. Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội (2010), *Quyền con người (Tập hợp những Bình luận/ Khuyến nghị chung của các Ủy ban Công ước của Liên hợp quốc)*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
35. Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội (2011), *Hỏi đáp về quyền con người*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
36. Tạ Thị Nhân (2013), *Quyền của những người bị tước tự do – Lý luận và thực tiễn*, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
37. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), *Luật bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em, số 25/2004/QH11*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
38. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2009), *Bộ luật Dân sự năm 2005*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
39. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010), *Luật thi hành án hình sự*, Hà Nội.

40. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2011), *Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009*, NXB Lao động, Hà Nội.
41. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012), *Luật lao động, số 10/2012/QH13*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
42. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, NXB Lao động, Hà Nội.
43. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
44. Tòa án nhân dân tối cao (2009), *Thống kê việc xét xử sơ thẩm người chưa thành niên*, Hà Nội.
45. Tòa án nhân dân tối cao (2010), *Thống kê việc xét xử sơ thẩm người chưa thành niên*, Hà Nội.
46. Tòa án nhân dân tối cao (2011), *Thống kê việc xét xử sơ thẩm người chưa thành niên*, Hà Nội.
47. Tòa án nhân dân tối cao (2012), *Thống kê việc xét xử sơ thẩm người chưa thành niên*, Hà Nội.
48. Tòa án nhân dân tối cao (2013), *Thống kê việc xét xử sơ thẩm người chưa thành niên*, Hà Nội.
49. Trịnh Quốc Toàn (2005), *Thực trạng và giải pháp đấu tranh phòng chống tội phạm do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp thành phố Hà Nội.
50. Nguyễn Thị Thanh (2008), *Bảo vệ quyền của người chưa thành niên trong tư pháp hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
51. Nguyễn Hữu Thế Trạch (2014), *Quyền bào chữa của bị can, bị cáo là người chưa thành niên trong tố tụng hình sự*, Luận án tiến sĩ luật học, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh.

52. Lại Văn Trình (2011), *Bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sỹ Luật học, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh.
53. Trung tâm nghiên cứu quyền con người – quyền công dân Khoa Luật Đại học quốc gia Hà Nội (2011), *Giới thiệu các văn kiện quốc tế về quyền con người*, NXB Lao động – Xã hội.
54. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ công an, Bộ tư pháp, Bộ lao động thương binh xã hội (2011), *Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐTBXH ngày 12/7/2011 hướng dẫn thi hành một số quy định của BLTTHS đối với người tham gia tố tụng là người chưa thành niên*, Hà Nội.
55. Viện ngôn ngữ học (2010), *Từ điển tiếng việt*, NXB Từ điển bách khoa.
56. Vụ Pháp luật hình sự - hành chính, Bộ tư pháp (2012), *Báo cáo đánh giá luật pháp và thực tiễn thi hành pháp luật về xử lý chuyển hướng, tư pháp phục hồi đối với người chưa thành niên*, NXB Tư pháp, Hà Nội.